

Thông số kỹ thuật



Mag One X10d

Máy bộ đàm cầm tay Kỹ thuật số

Được xây dựng cho thế giới
kinh doanh năng động

Mag One X10d

Máy bộ đàm cầm tay Kỹ thuật số

Được xây dựng cho thế giới
kinh doanh năng động

Mag One X10d là mẫu bộ đàm đa năng và hiệu suất cao, mang lại khả năng liên lạc vượt trội trong đa dạng hoàn cảnh. Dù là quản lý cửa hàng bận rộn, điều phối các sự kiện lớn, hay giám sát an ninh, X10d luôn mang đến sự ổn định trong việc truyền tải thông tin chính xác đến các thành viên khác. Ở một thế giới mà từng khoảnh khắc đều có thể tạo nên kì tích, X10d xứng danh trợ thủ đắc lực trong việc liên lạc và chia sẻ thông tin giữa các đội nhóm.

- X10d có thiết kế đẹp mắt, dễ sử dụng, cài đặt đơn giản và trực quan. Thời gian sử dụng cao lên đến 23 giờ, trong tình huống khẩn cấp, cổng USB-C cho phép sạc nhanh, đảm bảo liên lạc không bị gián đoạn và đáng tin cậy trong suốt ca làm việc và hơn thế nữa.
- X10d có công suất âm thanh tối đa 3 watt, lớn nhất trong dòng Mag One kèm theo chức năng giảm tiếng ồn cho âm thanh đầu ra rõ ràng ngay cả trong môi trường có tiếng ồn lớn.
- X10d có nút khẩn cấp, chức năng giám sát từ xa và chế độ làm việc đơn lẻ. Với những tính năng này giúp bảo vệ người dùng và tạo ra một môi trường làm việc an toàn hơn.





Sẵn sàng làm việc bất cứ lúc nào

Công việc sẽ thuận lợi hơn rất nhiều nếu đội nhóm làm việc ăn ý. Với khả năng phủ sóng được cải thiện, hiệu suất vượt trội và khả năng chống xâm nhập đạt tiêu chuẩn IP55, Mag One X10d giúp đội ngũ của bạn duy trì liên lạc rõ ràng và không bị gián đoạn ngay cả trong điều kiện làm việc phức tạp.

Tính năng chính

Tính năng cơ bản	Âm thanh
Analog và Kỹ thuật số	Công suất âm thanh tăng cường
Tuân thủ tiêu chuẩn DMR ¹	Giảm nhiễu
64 kênh	An toàn
USB-C (sạc và lập trình)	Cảnh báo khẩn cấp ¹
3 nút có thể lập trình	Nhân viên làm việc đơn lẻ ¹
Thông báo bằng giọng nói	Giám sát từ xa
Thông báo bằng giọng nói tùy chỉnh	Vô hiệu hóa/kích hoạt bộ đàm
Ghi âm ¹ (8 giờ)	Cấu hình
Quét kênh ưu tiên kép	Hỗ trợ lập trình thông qua ứng dụng Android
Xóa tạm thời kênh không sử dụng	Hệ thống
Truyền tín hiệu bằng giọng nói (VOX)	Chế độ hai khe thời gian trực tiếp (theo công nghệ TDMA)
Chỉ số chống bụi và nước IP55	Đặc điểm Analog
Tuân thủ tiêu chuẩn MIL-STD 810	Trộn tín hiệu Analog

¹Tính năng có trong chế độ kỹ thuật số



Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật chung			
Thông số chung			
Dải băng tần	403 – 470 MHz	136 - 174 MHz	
Công suất phát RF điển hình Công suất công suất trung bình công suất thấp	4 W	5 W	
	2.5 W		
	1 W		
Số Kênh	64 kênh		
Băng thông	12.5 / 25 kHz		
Kích thước	122 x 54 x 30 mm		
Trọng lượng	300 g		
Thời gian sử dụng pin ² (chế độ Analog / Kỹ thuật số)	16 giờ / 23 giờ		
Điện áp	7.2 V		
Thông số kỹ thuật của máy phát			
Điều chế 4FSK	12.5 kHz dữ liệu: 7K60F1D và 7K60FXD 12.5 kHz âm thanh: 7K60F1E và 7K60FXE Kết hợp dữ liệu và âm thanh: 7K60F1W		
Giao thức kỹ thuật số	ETSI TS 102 361-1, -2, -3		
Bức xạ truyền dẫn/ lan tỏa (TIA603A)	< -36 dBm [< 1 GHz]; < -30 dBm [> 1 GHz]		
Công suất kênh lân cận	> 60 dB @ 12.5 kHz / >70 dB @ 25 kHz		
Độ ổn định tần số	± 1.5 ppm		
Giới hạn điều biến	± 2.5 kHz @ 12.5 kHz / ± 5.0 kHz @ 25 kHz		
Thông số kỹ thuật của bộ thu			
Độ nhạy Analog (12 dB SINAD)	0.18 µV		
Độ nhạy Kỹ thuật số (5% BER)	0.18 µV		
Truyền dẫn phát xạ (TIA603E)	< -57 dBm [< 1 GHz]; < -47 dBm [> 1 GHz]		
Độ nhiễu hỗn hợp (TIA603E)	> 65dB		
Độ chọn lọc kênh lân cận (TIA603A) -1T	> 60 dB @ 12.5 kHz / > 70 dB @ 25 kHz		
Khử nhiễu tạp âm(TIA603D)	> 70dB		
Độ ổn định tần số	± 1.5 ppm		
Thông số âm thanh		Thông số môi trường	
Âm thanh số	AMBE+2	Nhiệt độ vận hành ³	30 °C đến 60 °C
Công suất đầu ra âm thanh (định mức / tối đa)	1 W / 3 W	Nhiệt độ bảo quản	-40 °C đến 85 °C
Độ méo tiếng (định mức)	3%	Sốc nhiệt	Tiêu chuẩn MIL-STD 810C, D, E, F, G, H
Tạp âm và nhiễu	-40 dB @ 12.5 kHz / -45 dB @ 25 kHz	Độ ẩm	Tiêu chuẩn MIL-STD 810C, D, E, F, G, H
¹ Kích thước khu vực tay cầm ² Thời gian sử dụng pin điển hình, trong chu kỳ hoạt động 5/5/90, sử dụng công suất phát tối đa. Thời gian sử dụng thực tế có thể khác nhau. ³ Chỉ áp dụng cho bộ đàm, yêu cầu nhiệt độ hoạt động của pin: từ -20°C đến + 60°C.		Phóng tĩnh điện	Tiêu chuẩn IEC 61000-4-2, cấp độ 4
		Tiêu chuẩn chống bụi, nước	IEC60529 IP55
		Sương muối	Tiêu chuẩn MIL-STD 810C, D, E, F, G, H



TIÊU CHUẨN QUÂN SỰ (MIL-STD 810)												
	MIL-STD 810C		MIL-STD 810D		MIL-STD 810E		MIL-STD 810F		MIL-STD 810G		MIL-STD 810H	
	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH
Công suất thấp	500.1	I	500.2	II	500.3	II	500.4	II	500.6	II	500.6	II
Nhiệt độ cao	501.1	I, II	501.2	I/A1, II/A1	501.3	I/A1, II/A1	501.4	I/Nóng, II/Nóng	501.5	I/A1, II/A2	501.7	I/A1, II/A1
Nhiệt độ thấp	502.1	I	502.2	I, II	502.3	I, II	502.4	I, II	502.5	I, II	502.7	I, II
Sốc nhiệt	503.1	I	503.2	A1/C3	503.3	A1/C3	503.4	I	503.5	I/C	503.7	I/C
Bức xạ mặt trời	505.1	II	505.2	I/A1	505.3	I/A1	505.4	I/A1	505.5	I/A1	505.7	I/A1
Mưa	506.1	I, II	506.2	I, II	506.3	I, II	506.4	I, III	506.5	I, III	506.6	I, III
Độ ẩm	507.1	II	507.2	II	507.3	II	507.4	-	507.5	II/Tăng cường	507.6	II/Tăng cường
Sương muối	509.1	I	509.2	I	509.3	I	509.4	-	509.5	-	509.7	-
Bụi	510.1	I/-	510.2	I, II	510.3	I, II	510.4	I, II	510.6	I, II	510.7	I, II
Rung	514.2	VIII/F, W	514.3	I/10, II/3	514.4	I/10, II/3	514.5	I/24, II/5	514.6	I/24, II/5	514.8	I/24, II/5
Va đập mạnh	516.2	I, II	516.3	I, IV	516.4	I, IV	516.5	I, IV	516.7	I, IV	516.8	I, IV
Ô nhiễm bởi chất lỏng ²									504.2	II	504.3	2.2.6 b



MOTOROLA, MOTO, MOTOROLA SOLUTIONS và biểu tượng M cách điệu là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã được đăng ký của Motorola Trademark Holdings, LLC và được sử dụng theo giấy phép. 07-2024 [DS_A01]

Để tìm hiểu thêm thông tin, xin vui lòng truy cập: motorolasolutions.com/x10d hoặc liên hệ

VIỄN THÔNG THẾ KỶ
NPP & TTĐV BH BỘ ĐÀM MOTOROLA TẠI VIỆT NAM
Century
HCM: (84-28) 3862 4466
HN : (84-24) 6282 5919
<https://thekyjsc.vn/>
info@thekyjsc.vn

MOTOROLA SOLUTIONS
Value Added Distributor